BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ

Tên công trình: ĐƯỜNG BÊ TÔNG VÀO NGHĨA TRANG NHÂN DÂN ĐẢO CÁT HẢI; ĐƯỜNG ĐT.356; ĐẶC KHU CÁT HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG.

Tên hạng mục: ĐƯỜNG BÊ TÔNG VÀO NGHĨA TRANG NHÂN DÂN ĐẢO CÁT HẢI

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ (đ)	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	*Chi phí Vật liệu*	A	*12.573.104*	*VL*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	9.462.275	A1
	+ Chênh lệch vật liệu	Theo bảng bù giá	3.110.829	CL
	Cộng	A1 + CL	12.573.104	A
2	*Chi phí Nhân công*	B	*3.374.749*	*NC*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	3.064.763	B1
	+ Chênh lệch nhân công	Theo bảng bù giá	309.986	CLNC
	Cộng	B1 + CLNC	3.374.749	B
3	*Chi phí Máy thi công*	C	*747.802*	*M*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	686.461	C1
	+ Chênh lệch Máy thi công	Theo bảng bù giá	61.341	CLMay
	Cộng	C1 + CLMay	747.802	C
	Cộng chi phí trực tiếp	VL + NC + M	**16.695.655**	**T**
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	T x 6,2%	1.035.131	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	183.652	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	333.913	TT
	Cộng chi phí gián tiếp	(C + LT + TT)	**1.552.696**	**GT**
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+GT) x 6%	1.094.901	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T+GT+TL)	19.343.252	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 8%	1.547.460	GTGT
V	**Chi phí xây dựng sau thuế**	G+GTGT	**20.890.712**	**Gxd**
	LÀM TRÒN		**20.891.000**	
Bằng chữ: Hai mươi triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng chẵn./.				

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ

Tên công trình: ĐƯỜNG BÊ TÔNG VÀO NGHĨA TRANG NHÂN DÂN ĐẢO CÁT HẢI; ĐƯỜNG ĐT.356; ĐẶC KHU CÁT HẢI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG SẮT LÀO CAI - HÀ NỘI - HẢI PHÒNG.

Tên hạng mục: ĐƯỜNG ĐT.356

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ (đ)	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	*Chi phí Vật liệu*	A	*47.991.308*	*VL*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	30.794.625	A1
	+ Chênh lệch vật liệu	Theo bảng bù giá	17.196.683	CL
	Cộng	A1 + CL	47.991.308	A
2	*Chi phí Nhân công*	B	*2.814.004*	*NC*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	2.555.564	B1
	+ Chênh lệch nhân công	Theo bảng bù giá	258.440	CLNC
	Cộng	B1 + CLNC	2.814.004	B
3	*Chi phí Máy thi công*	C	*3.154.722*	*M*
	+ Theo đơn giá trực tiếp	Bảng dự toán hạng mục	3.436.106	C1
	+ Chênh lệch Máy thi công	Theo bảng bù giá	-281.385	CLMay
	Cộng	C1 + CLMay	3.154.722	C
	Cộng chi phí trực tiếp	VL + NC + M	**53.960.034**	**T**
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	T x 6,2%	3.345.522	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	593.560	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	1.079.201	TT
	Cộng chi phí gián tiếp	(C + LT + TT)	**5.018.283**	**GT**
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+GT) x 6%	3.538.699	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T+GT+TL)	62.517.016	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 8%	5.001.361	GTGT
V	**Chi phí xây dựng sau thuế**	G+GTGT	**67.518.378**	**Gxd**
	LÀM TRÒN		**67.518.000**	
Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu năm trăm mười tám nghìn đồng chẵn./.				